TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thuỳ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2979/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023, về việc tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 93/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979 – Vắng mặt.
Địa chỉ: 152/14, tổ 2, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.
Bị đơn: **Ông Phan Tất C**, sinh năm 1976 – Vắng mặt.
Địa chỉ: 152/14, tổ 2, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hoà giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Tất C có đăng ký kết hôn vào năm 1998, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh H, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng bà chung sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Nhiều lần

vợ chồng bà cùng ngồi lại tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do vậy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Phan Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 15/6/1999, Phan Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 01/8/2012 và Phan Nguyễn Bình A1, sinh ngày 18/9/2014. Ly hôn, bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được nuôi dưỡng cháu Phan Nguyễn Mỹ A và cháu Phan Nguyễn Bình A1, không yêu cầu ông Phan Tất C cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phan Nguyễn Tuấn Đ đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phan Tất C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và không có bản khai nộp Tòa án.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Phan Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 15/6/1999, Phan Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 01/8/2012 và Phan Nguyễn Bình A1, sinh ngày 18/9/2014. Cháu A và cháu A1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ do đó đề nghị giao cháu A và cháu A1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu. Đối với cháu Đ đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: bà H không yêu cầu Toà án giải quyết để bà và ông C tự thoả thuận với nhau; Nợ chung: bà H trình bày không có. Tuy nhiên do chưa lấy được lời khai của ông C nên đề nghị tách phần tài sản chung và nợ chung để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H có đơn xin vắng mặt khi xét xử; bị đơn ông Phan Tất C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tòa để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà H và ông C.

[2] Về thẩm quyền: Bà H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Phan Tất C, có địa chỉ cư trú tại 152/14, tổ 2, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh

Đ. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về quan hệ pháp luật và pháp luật áp dụng:

Bà H và ông C có đăng ký kết hôn vào năm 1998, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh H nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C và giải quyết về con chung, đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Qua đơn khởi kiện ly hôn của bà H, tại bản tự khai và lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giải cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông C là có thật, phù hợp với nội dung xác minh mâu thuẫn tại địa phương cho biết ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và có liên hệ khu phố để hoà giải. Mặt khác, Toà án đã nhiều lần triệu tập ông C để hoà giải đoàn tụ nhưng ông C đã không đến tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông C không còn đạt được nên nếu có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hòa giải hàn gắn cũng không có kết quả. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông C.

[5] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Phan Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 15/6/1999, Phan Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 01/8/2012 và Phan Nguyễn Bình A1, sinh ngày 18/9/2014. Xét thấy, quá trình làm việc cháu A và cháu A1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ do đó nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của trẻ cũng như nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu nên giao cháu A và cháu A1 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời, ông C không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu. Đối với cháu Đ đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà H trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; nợ chung: không có. Tuy nhiên, do chưa lấy được lời khai của ông C nên tách phần tài sản chung và nợ chung để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Tất C.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Mỹ A, sinh ngày 01/8/2012 và cháu Phan Nguyễn Bình A1, sinh ngày 18/9/2014 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông Phan Tất C chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Phan Nguyễn Tuấn Đ đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Ông Phan Tất C không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001692 ngày 13/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Tất C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp